BỘ Y TẾ
**HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**
Số: 4102/QĐ-HVYDCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ học tập học kỳ I năm học 2026-2027 cho sinh viên hệ chính quy trình độ đại học**

## GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

*Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ nghị định số 57/2017/NĐ-CP, ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số, thi đỗ và học tại các cơ sở giáo dục đại học;*

*Xét hồ sơ và đơn xin hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ học tập của sinh viên;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2026-2027 cho 24 sinh viên Y học cổ truyền, Y khoa và Dược học; Hỗ trợ học tập học kỳ I năm học 2026-2027 cho 04 sinh viên ngành: Y học cổ truyền*(có danh sách cụ thể kèm theo)*

**Điều 2**. Mức hỗ trợ chi phí học tập cho mỗi sinh viên là 60% mức lương tối thiểu chung (60% x 5tháng). Số tháng được hưởng: 05 tháng/01 học kỳ.

Mức hỗ trợ học tập cho mỗi sinh viên là 100% mức lương tối thiểu chung (100% x 6 tháng). Số tháng được hưởng: 06 tháng/01 học kỳ.

**Điều 3**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà) trưởng phòng: Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Đào tạo đại học, Tài chính kế toán và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- BGĐ (để báo cáo);
- Đăng website HV;
- Lưu: VT, QLSV.

**GIÁM ĐỐC**

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

**Nguyễn Quốc Huy**

BỘ Y TẾ
**HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

# DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027

*(Kèm theo Quyết định số: 4102 /QĐ-HVYDCT ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)*

| TT | TT theo khóa | MSSV | Họ tên | Ngày sinh | Khóa | Dân tộc | Nơi thường trú | ĐT ưu tiên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1 | 2671150334 | Lê Như Tâm | 11/11/2007 | D (2026-2032) | Ngái | Phường Long Biên - TP Hà Nội | Dân tộc thiểu số rất ít người | Tự thi đỗ |
| 2 | 2 | 2671150507 | Nông Hồng Lê | 22/12/2008 | G (2026-2032) | Tày | Xã Hưng Đạo - Tỉnh Cao Bằng | Dân tộc + Hộ cận nghèo | Tự thi đỗ |
| 3 | 3 | 2671150565 | Lý Thị Ngọc Trâm | 08/03/2007 | G (2026-2032) | Nùng | Xã Khánh Khê - Tỉnh Lạng Sơn | Dân tộc + Hộ cận nghèo | Tự thi đỗ |
| 4 | 1 | 2671150281 | Hồ Thị Sen | 04/04/2008 | YKC (2026-2032) | Giáy | Xã Bản Xèo - Tỉnh Lào Cai | Dân tộc + Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 5 | 2 | 2671010265 | Hà Thị Khánh Vi | 25/02/2008 | YKC (2026-2032) | Thái | Xã Tri Lễ - Tỉnh Nghệ An | Dân tộc + Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 6 | 1 | 2571150124 | Hà Thị Thanh Hằng | 13/05/2007 | B (2025-2031) | Tày | Xã Hòa An, Tỉnh Tuyên Quang | Dân tộc + Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 7 | 2 | 2571150464 | Giàng A Quá | 02/12/2007 | E (2025-2031) | Mông | Xã Sáng nhè, Tỉnh Điện Biên | Dân tộc + Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 8 | 3 | 2571150480 | Lô Thị Thương | 23/04/2007 | E (2025-2032 | Thái | Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An | Dân tộc+ Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 9 | 2 | 2571010134 | Lương Tuấn Kiệt | 14/09/2007 | YK B (2025-2031) | Thái | Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An | Dân tộc+ Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 10 | 1 | 245115A111 | Đinh Thị Thanh | 22/01/2005 | A (2024-2030) | Mường | Xã Bắc Yên, Sơn La | Dân tộc + Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 11 | 2 | 245115E492 | Hà Linh Chi | 07/04/2006 | E (2024-2030) | Thái | Xã Phú Lệ, Tỉnh Thanh Hóa | Dân tộc + Hộ cận nghèo | Tự thi đỗ |
| 12 | 3 | 245115E465 | Lộc Ngọc Hoàng | 20/01/2006 | E (2024-2030) | Tày | Xã Yên Hoa, Tuyên Quang | Dân tộc + Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 13 | 1 | 245101B153 | Bùi Thị Minh Phương | 01/01/2006 | YKB(2024-2030) | Mường | Xã Nật Sơn, Phú Thọ | Dân tộc + Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 14 | 2 | 245101B093 | Hoàng Loan Diễm | 24/09/2005 | YKB (2024-2030) | Tày | Xã Tân An, Tuyên Quang | Dân tộc + Hộ cận nghèo | Tự thi đỗ |
| 15 | 1 | 235101A010 | Bùi Thị Mai Hương | 05/02/2005 | YKA(2023-2029) | Mường | Xã Ngọc Sơn, Phú Thọ | Dân tộc + Hộ cận nghèo | Tự thi đỗ |
| 16 | 2 | 235101A058 | Hoàng Thị Nguyệt | 09/10/2005 | YKA(2023-2029) | Nùng | Xã Khánh Khê, Lạng Sơn | Dân tộc + Hộ cận nghèo | Tự thi đỗ |
| 17 | 3 | 235101B133 | Hoàng Tuấn Duy | 24/12/2005 | YKB (2023-2029) | Tày | Xã Bình Gia, Lạng Sơn | Dân tộc + Hộ cận nghèo | Tự thi đỗ |
| 18 | 1 | 225115B154 | Lương Quốc Thắng | 10/09/2004 | B (2022-2028) | Thái | Xã Mường Quàng, Nghệ An | Dân tộc + Hộ cận nghèo | Tự thi đỗ |
| 19 | 2 | 225115A026 | Lục Huyền Trang | 08/03/2004 | A (2022-2028) | Sán dìu | Xã Sơn Thuỷ, Tuyên Quang | Dân tộc + Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 20 | 3 | 225115C270 | Lương Triệu Duy | 16/11/2004 | C (2022-2028) | Nùng | Xã Tĩnh Túc, Cao Bằng | Dân tộc+ Hộ nghèo | Tự thi đỗ |
| 21 | 1 | 225201A004 | Hà Thị Thúy Dịu | 18/03/2004 | Dược A (2022-2027) | Mường | Xã Lai Đồng, Phú Thọ | Dân tộc + Hộ cận nghèo | Tự thi đỗ |
| 22 | 1 | 215115E433 | Phùng Thị Kim Hà | 23/03/2003 | E (2021-2027) | Mường | Xã Thanh Thủy, Phú Thọ | Dân tộc + Hộ cận nghèo | Tự thi đỗ |
| 23 | 1 | 215101C242 | Bàn Thu Oanh | 14/11/2003 | YKC (2021-2027) | Dao | Xã Bảo Nhai, tỉnh Lào Cai | Dân tộc + hộ nghèo | Tự thi đỗ |

BỘ Y TẾ
**HỌC VIỆN Y-DHCT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

# DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA DỰ KIẾN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027

**(Đối tượng: Sinh viên là người dân tộc rất ít người có hộ khẩu thường trú ở vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức sở/người/tháng x 12 tháng)**

*(Kèm theo Quyết định số: 4102 /QĐ-HVYDCT ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)*

| TT | TT theo khối | | Họ tên | Ngày sinh | Khóa | Dân tộc | Nơi thường trú | ĐT ưu tiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1 | 2571150518 | Hù Chà Tiên | 06/06/2007 | E (2025-2031) | Si La | Xã Bum Tở, Tỉnh Lai Châu | Dân tộc rất ít người |
| 2 | 2 | 2571150311 | Vãng Minh Khang | 07/03/2007 | C (2025-2031) | Bố Y | Xã Bạch Đích, Tỉnh Tuyên Quang | DTTS rất ít người |
| 3 | 1 | 235115A051 | Tải Thị Ngọc Ánh | 15/09/2004 | A (2023-2029) | Pà Thẻn | Tân Bắc, Quang Bình, Hà Giang | DTTS rất ít người |
| 4 | 1 | 225115A011 | Tao Thị Hiên | 10/06/2004 | A (2022-2028) | Lự | Bản Hon, Tam Đương, Lai Châu | DT rất ít người (NĐ 57/2017) |